

NHỮNG CUỘC TIẾP XÚC VIỆT - MỸ ĐẦU TIÊN DƯỚI TRIỀU NGUYỄN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

PHẠM XANH *

Vào năm 1885, một ấn phẩm viết về Việt Nam lần đầu tiên đã được xuất bản tại Mỹ. Đó là cuốn sách nhỏ chỉ vền vện có 45 trang của Trung úy Hải quân Mỹ Sidney A. Strauton mang tựa đề "The War in Tong King. Why the French are in Tong King and what they are doing here?" (Cuộc chiến tranh ở Bắc Kỳ. Tại sao người Pháp lại có mặt tại Bắc Kỳ và họ đang làm gì ở đó?) do Cupples Upham và Công ty xuất bản ở Boston. Với sự xuất bản cuốn sách nhỏ này, lần đầu tiên công chúng Mỹ biết tới có cuộc Chiến tranh Trung - Pháp do cuộc viễn chinh Bắc Kỳ lần thứ hai của thực dân Pháp gây ra trên đất nước Việt Nam. Mặc dù cho tới thời điểm đó, nước Việt Nam đã được người Mỹ biết tới một cách rộng rãi và công khai, nhưng trong lịch sử quan hệ Việt - Mỹ thì sự kiện đó không phải là mốc mở đầu, mà có lẽ mốc mở đầu này là vào năm 1787, khi diễn ra cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa một người Mỹ danh tiếng, ông Thomas Jefferson - tác giả bìn Tuyên ngôn Độc lập năm 1776, Tổng thống thứ 3 của nước Mỹ, lúc đó là Đại sứ của Mỹ tại Pháp - với Hoàng tử Cảnh, con trai của Chúa Nguyễn Ánh, trong Phái đoàn của Giám mục Adran sang Paris thực hiện trọng trách của Chúa

Cha giao phó là cầu viện Pháp giúp đỡ để tiêu diệt Nhà Tây Sơn, khôi phục lại vương quyền của họ Nguyễn trên đất nước ta.

Chính trong những năm 1785-1789, Th. Jefferson làm Đại sứ của Mỹ tại nước Pháp, ông bắt đầu để tâm tới việc thu thập các loại giống lúa mới về gieo trồng ở nước Mỹ, bởi lẽ Th. Jefferson là con trai của một chủ trang trại nên ông rất am hiểu những nhu cầu của nhà nông. Khi thăm Italia, chứng kiến những cánh đồng lúa trải dài từ Vercelli đến Novara, ném những món ăn chế biến từ những giống lúa trồng ở đây, ông đã đi tới kết luận rằng gạo ở châu Âu có chất lượng cao hơn hẳn chất lượng gạo ở vùng Carolina của Tổ quốc ông. Và Th. Jefferson đã vượt qua hàng rào kiểm soát chặt chẽ của Italia, mang về cho đất nước ông hai túi giống lúa Piedmont (1). Và cũng chính là với niềm đam mê ấy đã đưa Th. Jefferson tới cuộc gặp gỡ kỳ thú vào tháng 7-1787 với Le Poivre, một nhân vật nổi tiếng hồi đó bởi những cuốn du ký ghi lại các cuộc hành trình của ông tới những miền đất lạ Phương Đông, trong đó đây áp những nhận xét về các loại thảo mộc, các cây trồng của những vùng đất mà tác giả đã từng đặt chân tới. Trong cuộc trò

* PGS. PTS. ĐHKHXH & NV - ĐHQG Hà Nội.

chuyện này, Th. Jefferson bị thu hút bởi câu chuyện của Le Poivre (2) kể về 6 giống lúa, trong đó có 3 giống lúa cạn ở một xứ có tên là Cochinchina. Và "giống lúa cạn của xứ Cochinchina" ấy luôn ám ảnh ông và thôi thúc ông tìm kiếm bằng được; bởi lẽ vùng Carolina quê hương ông đang gieo trồng giống lúa nước "bất cả xứ phải chìm dưới nước trong suốt cả một mùa, vì thế hằng năm đã cướp đi nhiều sinh mạng bởi những cơn sốt quái ác" (3). Phấn khích bởi cuộc gặp gỡ với Le Poivre, Th. Jefferson đã viết thư cho bạn là William Drayton ở Nam Carolina, vẽ ra một viễn cảnh đẹp đẽ: "Giống lúa cạn ở xứ Cochinchina có tiếng là ngon nà, thơm ngon và là một sản vật tuyệt hảo. Giống lúa này dường như kết hợp được những phẩm chất tuyệt hảo của cả hai giống lúa mà chúng ta đã biết tới. Nếu chúng ta thuần chủng được nó thì hạnh phúc biết bao, bởi chúng ta có thể giải thoát được những ao hồ tù đọng có hại cho sức khoẻ và cuộc sống của con người" (4).

Rõ ràng Th. Jefferson muốn có được giống lúa cạn của Việt Nam để giúp ông cải tạo vùng đất và môi trường của quê hương ông không có lợi cho sức khoẻ và cuộc sống của con người. Thật kỳ lạ là cũng trong thời gian Th. Jefferson viết những dòng thư trên, ở Paris đã có mặt Hoàng tử Cảnh, từ xứ Cochinchina tới. Không bỏ lỡ cơ hội, Th. Jefferson đã gặp gỡ vị Hoàng tử trẻ tuổi này và mong muốn nhận được những giống lúa cạn của nước ta. Điều đó được phản ánh trong một bức thư của ông gửi cho W. Drayton, tháng Giêng năm 1788: "Tôi rất hy vọng sẽ nhận được một số giống lúa cạn của xứ Cochinchina. Vị Hoàng tử trẻ tuổi của xứ sở này vừa mới rời nước Pháp đã cam đoan là sẽ gửi nó cho chúng ta" (5).

Những tư liệu còn lại đến nay không cho chúng ta biết chính xác về thời gian của cuộc gặp gỡ này, nhưng có thể khẳng định rằng nó chỉ có

thể diễn ra sau cuộc trò chuyện của Th. Jefferson với Le Poivre đến trước khi ông viết thư cho W. Drayton, tức là trong khoảng thời gian từ tháng 7-1787 đến tháng Giêng 1788. Cuộc tiếp xúc đó chính là sự khởi đầu của quan hệ Việt - Mỹ theo đuổi một ý tưởng tốt đẹp: Vì hạnh phúc của Con Người.

Một điều ngẫu nhiên thú vị là hơn 10 năm sau đó quan hệ Việt - Mỹ được tiếp nối đúng vào những năm Th. Jefferson làm Tổng thống Hoa Kỳ. Năm 1802, Công ty Crowninshield of Salem, Massachusetts, một trong những Công ty tàu biển lớn của New England đã phái một chiếc tàu đến Việt Nam tìm kiếm nguồn hàng mới là đường và cà phê. Đây là chiếc tàu biển đầu tiên của Mỹ cập hải cảng Việt Nam. Chiếc tàu đó mang tên Fame do Thuyền trưởng Jeremiah Briggs chỉ huy. Ngày 17 tháng 1 năm 1803, tàu Fame rời bến và ngày 21 tháng 5 năm 1803 đến cảng Đà Nẵng. Thuyền trưởng J. Briggs đã lên một trong hai con tàu của "Vua Cochinchina" do người Pháp chỉ huy đang đậu ở Cảng. Tại Đà Nẵng, vị Thuyền trưởng Pháp khuyên J. Briggs tới Kinh đô Huế gặp vua Gia Long để xin Nhà vua cấp cho giấy phép buôn bán. Ngày 23 tháng 5 năm 1803, J. Briggs lên một chiếc thuyền nhỏ 5 tay chèo do một người Bồ Đào Nha dẫn đường đi Huế. Đến Huế, J. Briggs thấy một chiếc tàu chiến và tìm gặp người Pháp chỉ huy tàu. J. Briggs đã sống với người Pháp trong 3 ngày và nhờ Thuyền trưởng này xin Nhà vua cấp cho giấy phép buôn bán tại tất cả các hải cảng của Việt Nam. Nhà vua đã cấp giấy phép buôn bán cho J. Briggs, nhưng J. Briggs ghi nhận là Nhà vua "nghĩ ngờ chúng tôi đến buôn bán với kẻ thù của Nhà vua, bởi lẽ Nhà vua mới lên ngôi được 6 tháng". Với giấy phép của Gia Long, J. Briggs dùng tàu Fame đi dọc bờ biển nước ta tìm chỗ buồm neo, buôn bán; nhưng vì gió mùa thổi mạnh, tàu không vào được bờ. Ngày 10 tháng 6

năm 1803, tàu Fame rời bờ biển Việt Nam đi Mailla. Peabody Museum of Salem, Massachusetts còn lưu giữ được một phần tập nhật ký về Việt Nam của J.Briggs, trong đó có những đoạn ông miêu tả về xứ sở này, những thông tin thu nhận được qua những cuộc trò chuyện của ông với Thuyền trưởng người Pháp đang giúp vua Gia Long và những nhận xét vắn tắt của ông về các sự kiện chính trị lúc đó ở Việt Nam, đặc biệt là về ảnh hưởng của nước Pháp đang gia tăng ở xứ sở này. J.Briggs còn miêu tả vắn tắt về thành phố Huế; về sự phòng thủ Kinh đô bằng súng thần công; về vua Gia Long, về các cung phi, lính gác và các con voi. Cuối cùng, J.Briggs cho biết là Nhà vua đã cử một Linh mục người Pháp đến để nghe ông miêu tả về nước Mỹ và cương vực của nước này (6).

Như vậy chuyến đi đến Huế của J. Briggs rất quan trọng, vì nó diễn ra ngay sau khi Gia Long, người sáng lập Triều Nguyễn mới lên ngôi Hoàng đế được 6 tháng, đang có những chính sách ít ra là không thù địch với người nước ngoài. Vì thế J. Briggs thông qua viên Thuyền trưởng người Pháp đã xin được vua Gia Long cấp cho giấy phép đến buôn bán ở Việt Nam. Nhưng không hiểu tại sao Thuyền trưởng J.Briggs không trở lại buôn bán ở Việt Nam nữa, mặc dù cơ hội tốt đẹp này đã được hé mở ra dưới thời Gia Long ? Có lẽ lý do chủ yếu là vì mục đích chuyến đi này của J. Briggs tìm nguồn hàng đường và cà phê không đạt được kết quả và khả năng tìm được nguồn hàng mới mà thị trường nước Mỹ lúc đó đang cũng cần không có hy vọng theo như thông tin nhận được từ các Thuyền trưởng người Pháp đang giúp việc Gia Long.

Bẵng đi một thời gian dài, hơn 15 năm sau mới lại xuất hiện những chiếc tàu Mỹ buồm neo trên bờ biển Việt Nam như tàu Beverly (Gohn Gardner chỉ huy), tàu Aurora (Robert Gould chỉ huy), tàu Marmion (John Brown chỉ huy) và đặc

biệt là tàu Franklin do Trung uý Hải quân John White làm Thuyền trưởng. Trong bản tường trình chuyến đi của John White xuất bản ở Boston năm 1823 có nhan đề "A History of a Voyage to the China Sea" (Chuyện về chuyến đi tới biển Trung Hoa), cũng như Th. Jefferson, J. White đã nhắc tới 6 giống lúa của Việt Nam; nhưng khác với Th. Jefferson, J. White chỉ nói tới 2 giống lúa cạn hay là giống lúa nương. Và cũng như Th. Jefferson, J. White tìm cách mang về quê hương ông các giống lúa đó, nhưng không may những con mọt đã đục rỗng những hạt lúa này (7).

Mặc dù J.White với con tàu Franklin đã ngược sông Đồng Nai buồm neo ở Cảng Sài Gòn và đã đi thăm nhiều nơi trên vùng đất đó, song ông vẫn không tìm được cơ hội buôn bán với Việt Nam. Bởi lẽ thời điểm mà J.White tới nước ta là vào những năm 1819-1820; tức là vào cuối thời Gia Long - đầu thời Minh Mạng, Nhà Nguyễn đã bắt đầu có sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối ngoại, không còn thi hành chính sách cởi mở như trước nữa mà đã xuất hiện chính sách cứng rắn, càng ngày càng ngả theo hướng "bế quan tỏa cảng", "cấm đạo và sát đạo".

Rõ ràng là trong hai mươi năm đầu thế kỷ XIX, số tàu Mỹ xuất hiện trên bờ biển nước ta còn rất ít; hơn thế nữa, đó chỉ là những tàu buôn của các Hãng tàu biển tư nhân đi tìm kiếm những luồng hàng mới bên bờ Tây Thái Bình Dương. Nhưng đến cuối thập kỷ 20 - đầu thập kỷ 30 của thế kỷ XIX, nhu cầu buôn bán của các Công ty tư nhân với các nước Phương Đông đã phát triển và trở thành nhu cầu của nước Mỹ, bởi hàng năm nước Mỹ thu về tới 5 triệu đô la trong việc buôn bán với Ấn Độ và Trung Hoa. Vì thế từ năm 1826 đến năm 1831, John Shillaber, Lãnh sự Mỹ tại Batavia (Indonésia) đã gửi nhiều thư cho Bộ Ngoại giao thúc giục Bộ xem xét việc gửi các đội tàu Mỹ tới biển Ấn Độ để bảo vệ mậu dịch

Mỹ và ký kết các Hiệp ước thương mại với Xiêm La, Nhật Bản, Việt Nam. Do đó mà có chuyến đi của Edmund Robert, Đặc phái viên của Tổng thống Mỹ Andrew Jackson tới Việt Nam năm 1833, khởi đầu cho một thời kỳ mới trong quan hệ Việt - Mỹ; đó là quan hệ giữa hai nước, giữa hai Chính phủ, chứ không phải là quan hệ mang tính chất cá nhân như các cuộc tiếp xúc trước đó. Về phía Mỹ, họ đã chuẩn bị cho chuyến đi tới Việt Nam này hết sức chu đáo. Trước hết, là việc tìm người thực hiện chuyến đi. Người đó là Edmund Robert được Tổng thống Andrew Jackson chọn làm Đặc phái viên để thương lượng và ký kết Hiệp ước thương mại giữa Mỹ với nước ta. E. Robert sinh ra và lớn lên ở Portsmouth, New Hampshire. Ông theo nghề nghiệp buôn bán, trưởng thành từ một thương nhân, một Supercargo (người áp tải và phụ trách bán hàng chở trên tàu). Sau nhiều nỗ lực, ông đã thành công trong việc thiết lập Lãnh sự quán Mỹ tại Demerara, trên bờ biển Đông Phi. Bốn năm sau, ông lại là một Supercargo trên con tàu Mỹ ngược xuôi trên bờ biển Đông Phi gần với Bombay. Khi trở về quê hương, ông đã đề xuất với Thượng nghị sĩ Mỹ Woodbury việc tìm mọi cơ hội để thương lượng và ký kết Hiệp ước thương mại với các nước ở Đông Ấn. Khi E. Robert đưa ra ý tưởng trên cũng là lúc tàu buôn Mỹ Friendship bị hải tặc tấn công trên bờ Tây Sumatra và John Shillaber đã kêu gọi đưa tàu Mỹ tới để bảo vệ quyền lợi mậu dịch của Mỹ; nhưng quan trọng hơn là đúng vào lúc Thượng Nghị sĩ Woodbury trở thành Bộ trưởng bộ Hải quân Mỹ. Trên cương vị mới đó, Woodbury tiếp tục thúc đẩy ý tưởng của E. Robert. Ngày 5 tháng Giêng năm 1832, Ngoại trưởng Mỹ Edward Livingston báo cáo với Woodbury là Tổng thống Mỹ đã chấp nhận lời đề nghị của ông cử E. Robert làm "Đặc phái viên tới biển Ấn Độ". Và E. Livingston nhờ Woodbury thông báo cho E. Robert tới Washington để

nhận giấy tờ cần thiết cho chuyến đi. Ngày 27 tháng Giêng năm 1832, E. Robert đã nhận được từ Bộ Ngoại giao Mỹ những giấy tờ quan trọng gồm: Chỉ thị của Ngoại trưởng E. Livingston, Quốc thư, Bản dự thảo Hiệp ước thương mại với Việt Nam, Hộ chiếu, Hoá đơn vận chuyển các tặng phẩm cho các vị vua chúa ngoại quốc.

Trong Chỉ thị của Ngoại trưởng E. Livingston cho E. Robert có đoạn: "Khi anh vào Ấn Độ Dương từ phía Đông thì nơi đầu tiên mà anh phải thực thi bổn phận của mình sẽ là xứ Cochinchina. Anh sẽ đi Huế, Kinh đô của xứ này... Đến đấy, với khả năng của mình, tự anh sẽ trình diện trước Nhà vua và dâng Thư của Tổng thống gửi cho Nhà vua. Anh sẽ phải nói rằng Tổng thống chúng tôi biết tiếng Nhà vua rất trọng công lý và muốn thúc đẩy việc buôn bán để cải thiện đời sống cho thần dân nên đã cử tôi tới đây để thương lượng với Nhà vua..." (8).

Trong thư của Tổng thống Andrew Jackson gửi Hoàng đế Minh Mạng được viết tại Washington ngày 26 tháng Giêng năm 1832 có đoạn:

"Người dâng bức thư này lên Hoàng thượng là Edmund Robert, một công dân đáng kính của Hoa Kỳ, được cử làm Đặc phái viên của Chính phủ Hoa Kỳ thương thuyết những công việc quan trọng với Hoàng thượng. Mong Hoàng thượng che chở cho anh ta thực thi nhiệm vụ mà anh ta được giao phó, đối đãi tử tế với anh ta và tin vào những điều nhân danh chúng tôi mà anh ta sẽ tâu lên Hoàng thượng..." (9).

Cùng với Quốc thư trên, E. Robert còn mang theo Thư của Ngoại trưởng Mỹ gửi cho các Lãnh sự quán Mỹ ở Quảng Đông, Manilla và Batavia và một bản Dự thảo Hiệp ước thương mại với Việt Nam gồm 8 Điều khoản, trong đó có Điều khoản 1 đề cập tới một nền hoà bình bền vững giữa Mỹ và Việt Nam là hai nước đã ký vào bản Hiệp ước thương mại này (10).

Sau khi đã chuẩn bị chu tất cho chuyến đi, E. Robert cùng với tàu Peacock rời Boston vào tháng 3 năm 1832. Ghé thăm Philippines và Trung Quốc xong, tàu Peacock đi tới vịnh Đà Nẵng trong lúc thời tiết xấu. Sau 4 ngày buồng neo ngoài khơi Đà Nẵng, gặp gió mùa thổi mạnh, tàu trôi giạt về phía Nam và cuối cùng tàu ghé vào cảng vũng Lắm, tỉnh Phú Yên. Các quan sở tại lên tàu làm việc, tiếp nhận giấy tờ và trình lên thượng cấp. Ngày 17 tháng Giêng năm 1833, Thượng thư Nguyễn Tri Phương và Tham tri Lý Văn Phúc từ Huế vào làm việc với E. Robert cho đến ngày 8 tháng 2 năm 1833 mà hai bên vẫn không hiểu nhau. Trong bản tường trình về sứ mệnh đầu tiên của ông viết từ Batavia ngày 22 tháng 6 năm 1833, E. Robert đã nêu lên những nguyên nhân cản trở sự hiểu biết lẫn nhau này như sự khác nhau về văn hoá, thời tiết không thuận lợi vì gió mùa to không đi được Huế. Ở đoạn tái bút, ông đã lưu ý đến một vấn đề khá tế nhị: "Tôi không thể không nói rằng tặng phẩm là thứ cần thiết ở các xứ sở này và nó được xem như là dấu hiệu của sự tôn kính, nó thể hiện địa vị của người được biểu cao hay thấp là tùy vào tâm cơ của vật biểu. Ở cả hai nước Cochinchina và Xiêm La, có một trong số những câu hỏi của miệng là "Ngài có tặng vật gì cho Nhà vua?" được xem là một cách ứng xử để anh không phải dền tay không" (11).

Theo nguồn tài liệu của Nhà Nguyễn thì cuộc tiếp xúc Việt- Mỹ nói trên như sau:

"Mùa Đông, tháng 11, Minh Mạng năm thứ 13 (tháng 12 năm 1832).

Tổng thống nước Cộng hoà Nhādilý nằm bên bờ Đại Tây Dương, còn có các tên khác nữa là Hoa Kỳ, Malicān, Tân Anh Cát Lợi đã phái thuộc hạ là ông Nghĩ Đức Môn La Bách, Thuyền trưởng tàu Đức Giai Tam Gia và thủy thủ đoàn đến nước ta, dâng thư xin lập quan hệ

với ta. Tàu của họ buồng neo ở vũng Lắm, thuộc tỉnh Phú Yên. Triều đình đã hạ lệnh cho Viên Ngoại lang Nguyễn Tri Phương và Tư vụ Lý Văn Phúc cùng với quan sở tại lên tàu và thiết tiệc chúc mừng. Khi được hỏi về mục đích của chuyến đi này, mấy người ngoại quốc đó đã trả lời rằng họ có ý định thiết lập quan hệ buôn bán thân thiện với nước ta. Họ nói nghe có vẻ cung kính và lịch lãm, nhưng khi dịch bức thư ra thì hình như thấy có mắc nhiều lỗi tạo từ, thiếu chặt chẽ. Lệnh ban ra từ Triều đình là: "Không cần tiếp nhận thư để gửi lên Hoàng thượng nữa. Hai phái viên là Nguyễn Tri Phương và Lý Văn Phúc được phép sắm vai quan chức Thượng bạc trả lời ngắn gọn cho những người Malicān như sau: "Quý quốc đề nghị thiết lập quan hệ buôn bán với chúng tôi. Chúng tôi chắc chắn không ngăn trở mỗi bang giao này. Nhưng mặt khác, các ông cũng phải nghiêm chỉnh tôn trọng luật pháp đang được áp dụng ở nước chúng tôi. Từ nay về sau, khi tới nước chúng tôi, tàu của các ông phải bỏ neo ngoài vũng Trà Sơn. Trong mọi trường hợp, các ông không được phép xây dựng nhà trên đất liền. Nếu các ông làm như vậy là các ông đã vượt quá giới hạn của phép nước chúng tôi". Và họ có thể rời bến sau khi nhận được thư phúc đáp này" (12).

Không thành công trong sứ mạng lần thứ nhất nên E. Robert càng quyết tâm hơn trong sứ mạng lần thứ hai khi ông lại được Tổng thống Mỹ Andrew Jackson cử ông làm Đặc phái viên một lần nữa vào tháng 3 năm 1835. Lần này E. Robert cùng với đội tàu gồm có 2 chiếc Peacock và Enterprise do E.P. Kennedy làm Thuyền trưởng đã rời Boston đến buồng neo ở vịnh Đà Nẵng ngày 14 tháng 5 năm 1835. Khi các quan sở tại lên tàu, mặc dù không có thông ngôn, E. Robert cố gắng dùng điệu bộ để truyền đạt mục đích của chuyến viếng thăm này và trao tận tay bức thư bằng chữ Pháp và chữ Anh gửi Triều

đình Huế. Bức thư đã giải thích rõ mục đích của Phái bộ Mỹ sang Việt Nam lần này và đề nghị được Triều đình Huế phúc đáp sớm vì E. Robert đang ốm nặng và bệnh tình đang lây lan sang cả hai tàu. Sau đó dù bị ốm liệt giường, E. Robert vẫn tiếp tục chỉ đạo các hoạt động tích cực của đoàn. Nhưng ngay cả lần này nữa hai bên vẫn không hiểu nhau. E. Robert đành phải rời Việt Nam và mất ở Ma Cao ngày 12 tháng 6 năm 1836 (13).

Cũng cần phải nói rằng không chỉ riêng có hai chuyến sang thăm Việt Nam trước đây của E. Robert bị thất bại mà cả chuyến sang nước ta vào tháng 2 năm 1850 của Joseph Balestier dưới thời Tổng thống Mỹ Zachary Taylor cũng đều chịu chung số phận như vậy. (14) Điểm chung nhất của các chuyến đi sang nước ta lúc đó, về phía người Mỹ với tư cách cá nhân hoặc với tư cách là Đại phái viên của Chính phủ, là sự chuẩn bị chu đáo của những người có trách nhiệm và có thiện ý. Vì thế sự thất bại của các chuyến đi ấy, theo chúng tôi không thuộc về phía người Mỹ mà chính là thuộc về phía Triều đình Huế. Cuộc đàm luận sau đây giữa vua Minh Mạng và các quan đại thần trong Triều đình Huế khi nhận được bức thư của E. Robert đệ trình năm 1835 cho chúng ta hình dung được một phần nào nguyên nhân thất bại của các cuộc viếng thăm nói trên của người Mỹ.

- Vua Minh Mạng:

"Trẫm thấy ý định và từ ngữ của bọn người này (chỉ người Mỹ. P.X chú thích) rất cung kính và lịch lãm. Chẳng nhẽ họ lại không xứng đáng được ban những lời chúc tụng hay sao?"

- Đào Trí Phú, đại thần bộ Lại:

"Tàu Hoàng thượng, bọn họ là người ngoại quốc và chúng ta không thể nào biết được tình cảm mà họ biểu hiện ra thật hay giả. Hạ thần nghĩ rằng có thể cho phép họ tới Kinh đô và cho họ

chỗ nghỉ trong Cục Thương bạc và dụ cho quan lại đối đãi tốt với họ và dò la ý định của họ".

- Hoàng Quýnh, Thị lang Nội các:

"Tàu Hoàng thượng, dân tộc này rất xảo trá và đó là lý do mà chúng ta tuyệt giao với họ. Nhân nhượng họ lần này sẽ tạo ra rắc rối cho chúng ta sau này. Các bậc tiền nhân thời xưa cho đóng cửa biên giới đất nước là để không đón tiếp người từ các nước Tây dương tới và để chống lại sự xâm lăng của bọn kẻ cướp này. Đó là một chính sách tốt".

- Vua Minh Mạng:

"Vượt qua trùng dương và bốn nghìn dặm, họ đến đây với chúng ta là bởi tình cảm trọng uy đức của Triều đình ta. Nếu chúng ta kiên quyết cắt đứt mọi quan hệ với họ thì chúng ta chỉ chứng tỏ với họ rằng chúng ta thiếu thiện ý rộng lượng lắm ru?" (15).

Qua một số tư liệu lịch sử đã nêu trên, chúng ta thấy nỗ lực của Mỹ trong suốt 50 năm đầu của thế kỷ XIX vừa qua là nhằm thương lượng và ký kết Hiệp ước thương mại với Việt Nam, song mục đích này của họ đã không dẫn tới một kết quả tốt đẹp nào cả. Nhà Nguyễn từ Minh Mạng đến Tự Đức, với sự đố kỵ, sự thiếu cận, duy trì chính sách "bế quan tỏa cảng" nên đã cự tuyệt buôn bán với các nước Phương Tây như Anh, Pháp, Mỹ. Chính sách cực kỳ bảo thủ ấy cũng đã góp phần làm cho đất nước ta càng bị nghèo nàn, lạc hậu hơn nữa; đẩy đất nước ta tới họa xâm lăng; và khi đã bị xâm lăng là thất bại.

Trong bức thư gửi cho Tổng thống Mỹ ngày 15 tháng 12 năm 1851, Joseph Balestier đã nêu rõ nguyên nhân thất bại của ông ở Việt Nam như sau: "Về phần kết quả của cuộc viếng thăm của tôi ở Cochinchina, Xiêm La và Bornéo; tôi xin trân trọng thưa với Ngài rằng thất bại của tôi trong việc ký Hiệp ước với Cochinchina xuất phát từ quyết định đã có sẵn của Chính phủ nước

ấy (chỉ Triều đình Huế - PX chú thích) là không muốn thương lượng về ngoại giao hoặc thương mại với người châu Âu vì sợ các nước ấy sẽ làm phương hại đến tàu bè và nền thương mại của họ" (16).

Từ cuộc tiếp xúc đầu tiên có tính chất cá nhân, bất ngờ giữa Th. Jefferson và Hoàng tử Canh năm 1787 đến những cuộc tiếp xúc sau đó có chủ định, ít ra là từ phía nước Mỹ vào giữa

thế kỷ XIX đã xuất hiện nhiều cơ hội có thể làm cho quan hệ Việt-Mỹ được phát triển tốt đẹp lên. Nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau từ cả hai phía, các cơ hội ấy đã xuất hiện rồi lại trôi đi và điều đó chứng tỏ rằng muốn cho quan hệ Việt - Mỹ phát triển thuận lợi, tốt đẹp thì cả hai dân tộc Việt - Mỹ còn phải nỗ lực nhiều hơn nữa, cố gắng nhiều hơn nữa trong tương lai.

CHÚ THÍCH

- (1) Saul. K. Padover. "Thomas Jefferson - A Great American's life and ideas", tr.67,68.
- (2) Pierre Poivre đã từng đến Việt Nam, là tác giả của cuốn sách "Vogage d'un philosophe".
- (3) (4)(5) "The paper of Thomas Jefferson"
- (6) Robert Hopkins Miller. "The United States and Vietnam 1787-1941". National Defense University Press. Washington DC 1990, tr.3,4.
+ Về vấn đề quan hệ thương mại giữa nước ta với Hoa Kỳ dưới thời Gia Long, năm 1803, xin tham khảo thêm các tài liệu sau đây lại ghi là: tàu Anh hoặc tàu Hồng Mao:
- Quốc sử quán triều Nguyễn. "Đại Nam thực lục-Chính biên". Tập III. Nxb Sử học, H, 1963, tr.134: "Hồng Mao sai sứ đến biểu phương vật, dâng biểu xin lập phố buôn bán ở Trà Sơn, dinh Quảng Nam. Vua nói rằng: "Hải cương là nơi quan yếu, sao lại cho người ngoài được!. "Không cho. Sai trả vật lại mà bảo về".
- Thành Thế Vỹ - "Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII. XVIII và đầu XIX". Nxb Sử học, H, 1961, tr. 85.
- (7) Robert Hopkins Miller - Sdd, tr.7.
Xem thêm: Thành Thế Vỹ.Sdd,tr.85-86.
- (8) (9)(10)(11) . Robert Hopkins Miller. Sdd, tr.303;20: 26- 27; 307.
- (12) Theo: "Bulletin des Amis du Vieux Huế" số 1, tháng 1 - tháng 3 năm 1937.
- Xem thêm:

+ Quốc sử quán triều Nguyễn - "Đại Nam thực lục. Chính biên". Tập XI.Nxb Khoa học, H, 1964, tr.231.

+ Thành Thế Vỹ-Sdd, tr.56

(13) Robert Hopkins Miller - Sdd, tr.39.

(14) Quốc sử quán triều Nguyễn - "Đại Nam thực lục - Chính biên". Tập XVII - Nxb KHXH. H, 1973, tr.215.

+ Thành Thế Vỹ - Sdd, tr.86.

(15) Theo: "Bulletin des Amis du Vieux Huế"

(16) Robert Hopkins Miller. Sdd, tr 52-53.

Về vấn đề này, trong "Đại Nam thực lục - Chính biên". Tập XXVII, của Quốc sử quán triều Nguyễn. Nxb KHXH, Hà Nội, 1973, tr.215 lại ghi đại ý như sau: "mùa Xuân, tháng giêng, Canh Tuất, Tự Đức năm thứ ba (1850), sứ của nước Malycân ở Tây dương là Ba Ly Chi (Balestier ?) đến cửa biển Đà Nẵng nói mang thư của nước ấy đến tạ lỗi, xin thông thương. Tỉnh thần Quảng Nam là Ngô Bá Hy (Ấn sát) đem việc tâu lên. Vua sai Tôn Thất Bật là Hậu quân Đô thống lãnh Tổng đốc Quảng Nam (khi ấy hiện khuyết) bàn cùng với Ngô Bá Hy trả lời rằng:

"... Nhân dân nước ta chuyên nghề làm ruộng, trồng dâu, không thích chơi của lạ, nếu có lại buôn bán cũng không lợi gì..."

Ba Ly Chi xin đi chơi núi Ngũ Hành, rồi chờ thuyền đi.